TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 16 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Trần Thị Như X**, địa chỉ: đường L, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng..

2. Ông **Lâm T**, địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 16/8/2013. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà X và ông T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Như X và ông Lâm T.

[2]. Về con chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có,

không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T mỗi người đồng ý chịu số T 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T đồng ý thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T mỗi người đồng ý chịu số T 150.000 đồng nhưng được trừ vào số T tạm ứng lệ phí mà Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T đã nộp theo biên lai thu số 0001668 và 0001669 cùng ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Trần Thị Như X và ông Lâm T đã nộp tạm ứng xong.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên